

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Nhật

Phòng thi: B1.303

Môn thi: Tiếng Nhật

Ca thi: 8h30

Ngày thi: 20/01/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TN0001	Đặng Lê Đức	Anh	15/09/2000			
2	TN0002	Nguyễn Trọng	Bền	31/03/1999			
3	TN0003	Bùi Hữu	Bôn	03/05/1999			
4	TN0004	Mai Đức	Cảnh	18/08/2000			
5	TN0005	Nguyễn Thị	Chinh	02/07/2000			
6	TN0006	Nguyễn Đức	Cường	30/08/1999			
7	TN0007	Trần Mạnh	Cường	21/05/2000			
8	TN0008	Nguyễn Tiến	Đạt	19/06/1999			
9	TN0009	Hoàng Phương	Đông	27/11/1999			
10	TN0010	Hà Quý	Đức	21/12/2000			
11	TN0011	Nguyễn Thị Thùy	Dung	02/05/2000			
12	TN0012	Nguyễn Kim	Dung	20/10/2000			
13	TN0013	Vũ Mạnh	Dũng	03/07/1999			
14	TN0014	Phạm Thị	Gám	21/08/2000			
15	TN0015	Trần Văn	Hải	29/04/2000			
16	TN0016	Trần Đăng	Hải	25/07/2000			
17	TN0017	Nguyễn Thị	Hằng	23/09/2000			
18	TN0018	Nguyễn Phong	Hào	03/05/1999			
19	TN0019	Lê Đức	Hậu	29/10/2000			
20	TN0020	Kiều Văn	Hiền	15/03/1999			
21	TN0021	Khổng Trung	Hiếu	01/01/1999			
22	TN0022	Bùi Huy	Hoàng	20/09/1999			
23	TN0023	Nguyễn Doãn	Hoàng	21/05/1998			
24	TN0024	Phạm Văn	Hoàng	07/04/2000			
25	TN0025	Vương Thị Hồng	Vân	24/04/2000			

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
26	TN0026	Tổng Quang	Huy	23/07/1999			
27	TN0027	Vũ Văn	Khải	02/02/1999			
28	TN0028	Vũ Văn	Khang	03/04/1999			
29	TN0029	Quách Ngọc	Lân	05/04/1999			
30	TN0030	Nguyễn Thăng	Long	13/11/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)